

Số: 22/BC-THTK

Gia Phúc, ngày 14 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC THỐNG KÊNH

2. Địa chỉ: Thôn Đồng Tái– xã Gia Phúc – Thành phố Hải Phòng

Website: <https://gl-ththongkenh.haiduong.edu>.

3. Loại hình: Trường tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Gia phúc.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

- Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Tầm nhìn: Trường Tiểu học Thống Kênh phấn đấu có cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu, có năng lực chuyên môn vững vàng, có uy tín đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

- Mục tiêu: Phấn đấu xây dựng môi trường học tập lành mạnh, có kỷ cương, nền nếp; có chất lượng giáo dục cao; phấn đấu để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết khả năng của mình. Xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có được niềm tin của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Thống Kênh được thành lập từ năm 1952. Năm 1992, trường được tách ra từ trường phổ thông cơ sở và chính thức mang tên trường Tiểu học Thống Kênh. Trường được Sở GD&ĐT kiểm tra và được Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 253/QĐ- UBND ngày 17/01/2007 công nhận trường Tiểu học Thống Kênh đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, ngày 17/5/2013 trường Tiểu học Thống Kênh có Quyết định số 1002/QĐ-UBND công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1(Lần 2); ngày 13/11/2018 trường Tiểu học Thống Kênh có Quyết định số 4196/QĐ-UBND công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1(Lần 3). Ngày 11/7/2022 trường Tiểu học Thống Kênh có Quyết định số 1927/QĐ-UBND công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Trường Tiểu học Thống Kênh là trường công lập do UBND Huyện Gia Lộc thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Thống Kênh.

- Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục

phát triển của địa phương, thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Ông Hoàng Sách Khôi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đồng Tái, xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 0986 414937 Gmail: hoangkhoihhgl@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

b) Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng
1	Ông Hoàng Sách Khôi	Hiệu trưởng	CTHĐ
2	Bà Phạm Thị Phương Chi	Phó hiệu trưởng	Thành viên
3	Bà Phạm Thị Lâm	Giáo viên	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn lớp 1	Thành viên
5	Bà Đoàn Hải Duyên	Tổ trưởng Tổ chuyên môn lớp 2,3	Thành viên
6	Bà Tạ Thị Kim Hoạt	Tổ trưởng Tổ chuyên môn lớp 4,5	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Tổng phụ trách đội	Thành viên
8	Bà Trần Thị Nguyệt	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
9	Ông Vũ Hùng Hưởng	Đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND huyện Gia Lộc Về việc luân chuyển, bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Trường Tiểu học Thống Kênh;

Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Gia Lộc Về việc bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Thống Kênh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Thống Kênh

Xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà

nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Thống Kênh là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Gia Phúc.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Tổ chức bộ máy của nhà trường

- 01 Hội đồng trường với 9 thành viên.
- 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn.
- 1 tổ văn phòng
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.
- Tổ chức Chi đoàn có 9 đoàn viên.
- Tổ chức Đội – Sao : có 12 lớp Sao nhi đồng và 7 Chi đội.
- Ban đại diện CMHS.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Hoàng Sách Khôi	HT	0986414937	hoangkhoihhgl@gmail.com
2	Phạm Thị Phương chi	PHT	0397440028	phamphuongchi986@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đồng Tái, xã Gia Phúc, TP Hải Phòng

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp Năm học 2024-2025				KQ đánh giá BDTX năm học 2024-2025	
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đ	CĐ	HT	CHT
ST T	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	0	31	1	0	1	1	11	12	4	18	9	0	0	27	0
I	Giáo viên	27			27					9	12	2	16	9			25	0
1	Giáo viên văn hóa	20			20					5	9	2	10	8			18	0
2	Giáo viên Ngoại ngữ	2			2					2			2				2	0
3	Giáo viên Tin học	1			1					1				1			1	0
4	Giáo viên Âm nhạc	1			1						1		1				1	0
5	Giáo viên Mỹ thuật	1			1						1		1				1	0
6	Giáo viên GDTC	2			2					1	1		2				2	0
II	Cán bộ quản lý	2			2							2	1	1			2	0
1	Hiệu trưởng	1			1							1		1			1	

2	Phó hiệu trưởng	1			1							1	1				1	
II	Nhân viên	4			2	1		1										
1	Nhân viên kế toán – văn thư	1			1													
2	Nhân viên y tế - thủ quỹ	1				1												
3	Nhân viên thư viện – thiết bị	1			1													
4	Nhân viên công nghệ thông tin	0																
5	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																
6	Nhân viên bảo vệ	1						1										

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng số diện tích của nhà trường 8661 m², trung bình 14,43 m²/1HS, đảm bảo yêu cầu Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

- Các khối phòng, khối công trình hiện có:

+ Khối phòng hành chính quản trị: có đủ các phòng, các phòng đều trang được trang bị các máy móc, thiết bị đảm bảo phục vụ công việc hành chính quản trị.

+ Khối phòng học tập: có đủ 19 phòng học/19 lớp, các phòng học đều kiên cố, có đủ bàn ghế, bảng, tủ, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt...

+ Phòng bộ môn có 06 phòng gồm: Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, Phòng đa chức năng, phòng khoa học công nghệ, các phòng đều có thiết bị dạy học cơ bản phục vụ cho việc dạy học các môn học.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: có nhà đa năng, thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng Đội thiếu niên. Thư viện có phòng đọc học sinh, phòng đọc giáo viên riêng biệt và không gian mở.

+ Khối phụ trợ: có phòng họp, phòng y tế, khu để xe học sinh; khu vệ sinh học sinh bảo đảm phục vụ tốt cho học sinh toàn trường.

+ Khu sân chơi: có khu sân chơi rộng rãi, nền được lát gạch bằng phẳng, sạch đẹp; có hệ thống cây xanh đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động chung toàn trường; bãi tập thể dục, thể thao đảm bảo diện tích.

+ Khối phục vụ sinh hoạt: có nhà ăn, nhà ngủ riêng. Hệ thống nhà ăn, nhà ngủ đảm bảo sạch sẽ, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cho học sinh bán trú.

+ Hạ tầng kỹ thuật: nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, hệ thống điện an toàn đảm bảo cung cấp điện đầy đủ cho các hoạt động; hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo quy định; hệ thống mạng Internet kết nối với toàn bộ các máy vi tính, ti vi của các lớp, sử dụng thuận tiện, hiệu quả.

- Thiết bị dạy học hiện có:

+ Mỗi lớp học và phòng bộ môn đều có ti vi hoặc máy chiếu phục vụ cho hoạt động dạy học, phòng bộ môn Tin học có 18 máy tính dùng dạy môn Tin học và tổ chức cho HS tham gia các hoạt động giao lưu trên Internet.

+ Có đủ đồ dùng dạy học môn Giáo dục thể chất và môn Âm nhạc theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Các môn học khác: đảm bảo 50 % theo quy định của Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tài liệu dạy học, Sách giáo khoa dùng chung:

+ Thư viện: Tổng số sách 5.634 bản. Trong đó sách giáo khoa: 896 bản, sách nghiệp vụ: 401 bản, sách tham khảo: 4.328 bản.

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

Danh mục sách giáo khoa lớp 5 năm học 2025-2026

TT	Môn/ Hoạt động giáo dục	Tên sách giáo khoa (Ghi rõ tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5, Tập 1, 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 5 (Bộ sách Cánh diều) Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học	Khoa học 5 (Bộ sách Cánh diều) Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và	Lịch sử và Địa lí 5 (Bộ sách Cánh diều).

	Địa lí	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Tin học	Tin học 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ	Công nghệ 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Bộ sách Cánh diều) Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Bộ sách Chân trời sáng tạo bản 1) Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5 (Bộ sách Cánh diều) Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 (Global success) Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 4 năm học 2025-2026:

TT	Tên sách	Tác giả	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt 4, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4	Khoa học 4	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí 4	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Kháng Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh	Cánh Diều	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quý	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn	Global Success	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 3 năm học 2025-2026:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách được chọn; Tổng chủ biên/Chủ biên; Nhà xuất bản	Nhóm tác giả	Bộ sách
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3, Tập 1 Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Kết nối tri thức với cuộc sống
2		Tiếng Việt 3, Tập 2 Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	
3	Toán	Toán 3 Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quý	Kết nối tri thức với cuộc sống

			Hường, Bùi Bá Mạnh.	sống
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3 Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) Golbal Success NXB Giáo dục Việt Nam	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	
5	Đạo đức	Đạo đức 3 Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên). NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên) NXB Đại học Sư phạm	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Cánh diều
7	Tin học	Tin học 3 Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Công nghệ	Công nghệ 3 Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3 Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc	Âm nhạc 3 Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật	Mĩ thuật 3 Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Chân trời sáng tạo (bản 1)
12	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên) NXB ĐHSP TP.HCM	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Cánh diều

Sách giáo khoa lớp 2 Năm học 2025-2026

TT	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên); PGS.TS Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Hoạt động trải nghiệm	Cánh diều	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Lọng, Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tự nhiên và Xã hội	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
8	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên); Lê Anh Thơ (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

Sách giáo khoa lớp 1 Năm học 2025-2026

TT	Môn	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên); PGS.TS Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mĩ thuật	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Tuấn Cường (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

4	Hoạt động trải nghiệm	Cánh diều	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tự nhiên và Xã hội	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
8	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên); Lê Anh Thơ (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học

Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Nhà trường thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 36/QĐ-THTK ngày 09 tháng 9 năm 2025 gồm 9 thành viên.
- Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch số 18^A/KH-THTK ngày 09/9/2025 đảm bảo đúng tiến độ.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 – 2026 theo Quyết định Ban hành Kế hoạch tuyển sinh của UBND huyện Gia Lộc.

Kết quả tuyển sinh: Số lớp: 04 lớp Số HS: 124 học sinh

2. Kết quả năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5

I	Tổng số học sinh	613 (5 Khuyết tật)	118 (1 Khuyết tật)	115 (2 Khuyết tật)	109	132 (1 Khuyết tật)	139 (1 Khuyết tật)
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	613	118	115	109	132	139
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	436/608 Đạt 71,7%	98/117 Đạt 83,8%	82/113 Đạt 72,6%	69/109 Đạt 63,3%	85/131 Đạt 64,9%	102/138 Đạt 73,9%
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	169/608 Đạt 27,8%	19/117 Đạt 16,2%	30/113 Đạt 26,5%	38/109 Đạt 34,9%	44/131 Đạt 33,5%	36/138 Đạt 26,1%
3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	3/608 Đạt 0,5%	0	1/113 Đạt 0,9%	2/109 Đạt 1,8%	2/131 Đạt 1,6%	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	<i>Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)</i>	257/608 Đạt 42,4%	66/117 Đạt 56,4%	54/113 Đạt 47,7%	35/109 Đạt 32,2%	48/131 Đạt 36,5%	54/138 Đạt 39,1%
2	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	115/608 Đạt 19,0%	27/117 Đạt 23,1%	19/113 Đạt 16,8%	25/109 Đạt 22,9%	21/131 Đạt 16,1%	23/138 Đạt 16,7%
3	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	230/608 Đạt 37,1%	24/117 Đạt 20,5%	38/113 Đạt 33,6%	47/109 Đạt 43,1%	60/131 Đạt 45,8%	61/138 Đạt 44,2%
4	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	3/608 Đạt 0,5%	0	1/113 Đạt 0,9%	2/109 Đạt 1,8%	2/131 Đạt 1,6%	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	605/608 Đạt 99,5%	117/117 Đạt 100%	112/113 Đạt 99,1%	107/109 Đạt 98,2%	129/131 Đạt 98,4%	138/138 Đạt 100%
a	<i>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	372/608 Đạt 61,2%	93/117 Đạt 79,5%	73/113 Đạt 64,6%	60/109 Đạt 55%	69/131 Đạt 52,7%	77/138 Đạt 55,8%
b	<i>HS đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia (tỷ lệ so với tổng số)</i>	58/608 Đạt 9,5%	12/117 Đạt 10,3%	11/113 Đạt 9,7%	4/109 Đạt 3,7%	10/131 Đạt 7,6%	21/138 Đạt 15,2%
2	Rèn luyện lại trong hè (tỷ lệ so với tổng)	3/608 Đạt 0,5%		1/113 Đạt 0,9%	2/109 Đạt	2/131 Đạt	0

	số)				1,8%	1,6%	
--	-----	--	--	--	------	------	--

*** Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình**

Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 138/138 đạt 100%
(1 học sinh khuyết tật chuyển lên học hòa nhập).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

MỤC CHI	TIÊU MỤC	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	QUYẾT TOÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
I		<u>CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN</u>	<u>5.543.038.000</u>	<u>5.430.819.133</u>
6000		Tiền lương	2.937.292.000	2.715.554.000
	6001	Lương theo ngạch bậc	2.937.292.000	2.715.554.000
6050		Tiền công hợp đồng	106.360.000	107.718.000
	6051	Tiền công trả vị trí lao động hợp đồng	106.360.000	107.718.000
6100		Phụ cấp lương	1.581.733.000	1.578.343.000
	6101	Phụ cấp chức vụ	108.438.000	48.438.000
	6105	Phụ cấp làm thêm giờ	61.183.000	63.162.000
	6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	4.968.000	4.968.000
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	919.330.000	898.339.000
	6112	Phụ cấp ưu đãi GV dạy HS khuyết tật	35.521.000	96.704.000
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	9.936.000	9.936.000
	6115	Phụ cấp TN nghề, PCTN Vượt khung	417.157.000	428.168.000
	6149	Phụ cấp khác	25.200.000	28.628.000
6200		Tiền thưởng	151.365.000	151.365.000
	6201	Thưởng thường xuyên	151.365.000	151.365.000
6250		Phúc lợi tập thể	16.500.000	16.167.600
	6299	Tiền mua chè lạng uống	16.500.000	16.167.600
6300		Các khoản đóng góp	675.688.000	812.439.133
	6301	17,5% BHXH	487.026.000	611.667.133
	6302	3% BHYT	95.233.000	102.518.000
	6303	2% KPCĐ	62.287.000	63.994.000
	6304	1% BHTN	31.142.000	34.260.000
6400		Các khoản thanh toán khác cho CN	54.600.000	29.400.000
	6449	Chi khác	33.600.000	8.400.000
	6449	PCGV thu nhập thấp lương dưới 6 triệu	21.000.000	21.000.000

II		<u>CHI VỀ HÀNG HÓA DỊCH VỤ</u>	<u>1.125.200.000</u>	<u>1.200.361.367</u>
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	76.000.000	57.054.040
	6501	Tiền điện	24.000.000	39.652.240
	6502	Tiền nước	12.000.000	17.401.800
	6504	Tiền vệ sinh, môi trường	40.000.000	0
6550		Vật tư văn phòng	103.923.000	103.703.360
	6551	Văn phòng phẩm	10.000.000	12.976.360
	6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	62.923.000	61.727.000
	6553	Khoán văn phòng phẩm	31.000.000	29.000.000
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	8.160.000	10.281.750
	6601	Cước phí điện thoại	6.000.000	4.001.750
	6605	Cước phí Internet	2.160.000	6.280.000
6750		Chi phí thuê mướn	20.000.000	18.300.000
	6757	Thuê lao động trong nước	36.000.000	36.000.000
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	0	5.000.000
	6799	Chi phí thuê mướn khác	20.000.000	13.300.000
6900		Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ CM	545.472.000	610.587.000
	6907	Nhà cửa	310.562.000	304.472.000
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	64.910.000	71.215.000
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	30.000.000	234.900.000
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng khác	140.000.000	0
6950		Mua sắm TS phục vụ công tác CM	45.867.000	90.777.000
	6999	Tài sản và thiết bị khác	45.867.000	90.777.000
7000		Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	291.278.000	290.490.617
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	266.978.000	268.836.746
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3.000.000	3.000.000
	7012	Chi phí HĐ nghiệp vụ chuyên ngành	17.000.000	15.352.000
	7049	Chi phí khác	4.300.000	3.301.871
7050		Mua sắm tài sản vô hình	18.000.000	3.000.000
	7053	Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	18.000.000	3.000.000
III		<u>CÁC KHOẢN CHI KHÁC</u>	<u>8.400.000</u>	<u>44.400.000</u>
7750		Chi khác	8.400.000	44.400.000
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	0	4.400.000
	7799	Chi các khoản khác	8.400.000	40.000.000
		Còn dư tại KB cắt giảm tiết kiệm 5% tiền chi thường xuyên năm 2024	-	1.057.500

		TỔNG CỘNG	6.676.638.000	6.675.580.500
--	--	------------------	----------------------	----------------------

2. Công khai các khoản thu, chi năm học 2024-2025:

Số TT	NỘI DUNG			MỨC THU	THỜI ĐIỂM THU
1	Bắt buộc	BHYT	Lớp 1	12 tháng = 884.520 đ/hs/năm	Tháng 9/2024
				13 tháng = 958.230 đ/hs/năm	
				14 tháng = 1.031.940 đ/hs/năm	
				15 tháng = 1.105.650 đ/hs/năm	
			Lớp 2,3,4,5	12 tháng = 884.520 đ/hs/năm	Tháng 12/2024
		Xe đạp	Lớp 3,4,5	10.000đ/hs/tháng x 9 tháng	Tháng 02/2025
2	Thu hộ, phục vụ trực tiếp cho HS	Buổi 2 Kì 1	Khối 1,2,3,4,5	36.000đ/hs/tuần x 17 tuần	Tháng 02/2025
		Buổi 2 Kì 2	Khối 1,2,3,4,5	36.000đ/hs/tuần x 18 tuần	Tháng 04/2025
		Tiền vệ sinh	Khối 1,2,3,4,5	60.000đ/hs/năm	Tháng 02/2025
		Tiền nước uống	Khối 1,2,3,4,5	63.000đ/hs/năm	Tháng 02/2025
		Tiền bán trú	Tiền ăn	20.000đ/hs/suất ăn	Tháng 10/2024-05/2025
			Công phục vụ Kì 1	100.000đ/hs/tháng x 4 tháng	Tháng 10/2024
			Công phục vụ Kì 2	100.000đ/hs/tháng x 5 tháng	Tháng 02/2025
			Tiền CSVC	120.000đ/hs/năm	Tháng 10/2024
3	Tự nguyện	Vận động tài trợ	Huy động	66.700.000 đồng/năm	Tháng 01/2025
		BHTT HS	Lớp 1,2,3,4,5	200.000đ/hs/năm	Tháng 10/2024
4	Các khoản thu của các tổ chức đoàn thể khác: Công đoàn, Đoàn thanh niên, chữ thập đỏ..		0	0	0

*** Các nội dung chi:**

+ Tiền BHYT HS:

- Tổng Thu = 544.127.200 đồng

- Chi nộp cho BHXH huyện Gia Lộc = 544.127.200 đồng

+ Tiền Xe đạp:

- Tổng thu = 26.010.000 đồng

- Chi trả tiền công trông xe và sửa chữa nhỏ = 23.409.000 đồng

- Chi nộp thuế TNDN; thuế GTGT 10% = 2.601.000 đồng

+ Tiền học 2 buổi/ngày:

- Tổng thu = 764.856.000 đồng

- Chuyển trả 80% cho GV trực tiếp dạy = 599.395.000 đồng

- Chuyển trả cho công tác quản lý thu chi = 112.434.000 đồng

- Chuyển trả tiền Nộp thuế TNDN 2% = 15.297.120 đồng

- Trả tiền sửa chữa, mua sắm CSVC phục vụ học tập = 37.729.880đ

+ Tiền vệ sinh:

- Tổng thu = 36.720.000 đồng

- Trả tiền cho lao công dọn vệ sinh 9 tháng = 34.200.000 đồng

- Tiền công quét dọn vệ sinh, tưới cây cảnh 3 tháng hè = 2.520.000 đồng

+ Tiền Nước uống tinh khiết:

- Tổng thu = 38.556.000 đồng

- Trả tiền cho hộ kinh doanh Hồ Thị My = 38.556.000 đồng

+ Tiền ăn bán trú:

- Tổng thu = 241.440.000 đồng

- Trả tiền cho Công ty TNHH thực phẩm Mạnh Yên = 241.440.000 đồng.

+ Tiền Công phục vụ bán trú:

- Tổng thu = 62.700.000 đồng

- Trả tiền cho công trông trưa, công quản lý, giám sát = 52.612.000 đồng

- Trả tiền thuê giặt chăn, thảm trải giường, mua nước lau sàn nhà, nước rửa bát, bột giặt ômô, nước tẩy nhà vệ sinh, chổi đốt, chổi cước bán trú = 8.515.000 đồng

- Chi trả tiền nước sạch = 1.573.000 đồng

+ Tiền CSVC bán trú:

- Tổng thu = 3.000.000 đồng

- Tiền mua xô, Bộ cây lau nhà, giá để giày dép = 3.000.000 đồng

+ Tiền BHTT HS:

- Tổng Thu = 131.200.000 đồng

- Chi nộp cho Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Dương = 131.200.000 đồng

+ Tiền tài trợ CSVC:

- Tổng thu = 66.700.000 đồng

- Trả tiền mua 02 Ti Vi Sam Sung 55 in = 22.937.000 đồng

- Chuyển trả tiền mua 11 quạt treo tường = 5.389.200 đồng

- Mua 01 Đàn Organ điện tử phòng âm nhạc = 22.600.000 đồng

- Mua 04 quạt trần điện cơ = 3.792.400 đồng

- Mua 01 Bồn Inox Tân Á, tôn xanh lợp mái nhà vệ sinh HS = 11.981.400 đ

3. Công khai các khoản thực hiện thu năm học 2025-2026:

Số TT	NỘI DUNG			MỨC THU	THỜI ĐIỂM THU
1	Bắt buộc	BHYT	Lớp 1	12 tháng = 631.800 đ/hs/năm	Tháng 9/2025
				13 tháng = 684.450 đ/hs/năm	
				14 tháng = 737.100 đ/hs/năm	
				15 tháng = 789.750 đ/hs/năm	
			Lớp 2,3,4,5	12 tháng = 631.800 đ/hs/năm	Tháng 12/2025
		Xe đạp	Lớp 3,4,5	10.000đ/hs/tháng x 9 tháng	Tháng 11/2025
2	Thu hộ, phục vụ trực tiếp cho HS	GD kĩ năng sống	Khối 1,2,3,4,5	12.500đ/hs/tuần x 17 tuần	Tháng 11/2025
		GD kĩ năng sống	Khối 1,2,3,4,5	12.500đ/hs/tuần x 18 tuần	Tháng 02/2026
		GD STEM	Khối 1,2,3,4,5	18.500đ/hs/tuần x 17 tuần	Tháng 11/2025
		GD STEM	Khối 1,2,3,4,5	18.500đ/hs/tuần x 18 tuần	Tháng 02/2026
		Tiền vệ sinh	Khối 1,2,3,4,5	60.000đ/hs/năm	Tháng 11/2025
		Tiền nước uống	Khối 1,2,3,4,5	Thực hiện thu khi có văn bản hướng dẫn của cấp trên.	Tháng 11/2025
		Tiền bán trú	Tiền ăn	20.000đ/hs/suất ăn	Tháng 10/2025-05/2026
			Công phục vụ Kỳ 1	100.000đ/hs/tháng x 4 tháng	Tháng 10/2025
			Công phục vụ Kỳ 2	100.000đ/hs/tháng x 5 tháng	Tháng 02/2026
			Tiền CSVC	100.000đ/hs/năm	Tháng 10/2025

3	Tự nguyện	Vận động tài trợ	Huy động	65.650.000 đồng/năm	Tháng 11/2025
		BHTT HS	Lớp 1,2,3,4,5	200.000đ/hs/năm	Tháng 10/2025
4	Các khoản thu của các tổ chức đoàn thể khác: Công đoàn, Đoàn thanh niên, chữ thập đỏ..		0	0	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục, các sân chơi trí tuệ có ý nghĩa thiết thực và đạt hiệu quả cao.
- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lý, làm tốt công tác truyền thông.
- Tích cực phối hợp các lực lượng trong công tác giáo dục và huy động nguồn lực để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư các trang thiết bị để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua, tạo sự chuyển biến tích cực và rõ nét về chất lượng giáo dục:

+ Tập thể:

- + Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
- + Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- + Liên Đội vững mạnh.

+ Cá nhân:

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 06

Lao động tiên tiến: 26

* Khen thưởng:

01 GV được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen.

01 GV được Chủ tịch UBND huyện tặng Bằng khen

Nơi nhận:

- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Sách Khôi

